

V/v tranh chấp tiền hối

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bà T1 có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 09/8/2014 âm lịch, loại hụi 02 triệu đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm có 29 hụi viên, bà T1 tham gia 01 chân. Trong danh sách hụi đứng tên chồng bà T1 là ông S. Đến ngày 06/01/2016, bà H tuyên bố đình hụi. Bà T1 đã đóng hụi được 18 kỳ, bình quân mỗi kỳ đóng hụi là 1,4 triệu đồng, với tổng số tiền là 25.200.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Mở ngày 09/8/2014 âm lịch, loại hụi 01 triệu đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 29 hụi viên, bà T1 tham gia 01 chân. Trong danh sách hụi đứng tên chồng bà T1 là ông S. Tính đến ngày bà H tuyên bố đình hụi (ngày 06/01/2016 âm lịch), thì bà T1 đóng được 18 kỳ, bình quân mỗi kỳ đóng hụi là 700.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Mở ngày 16/9/2014 âm lịch, loại hụi 01 triệu đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm có 29 hụi viên, bà T1 tham gia 01 chân. Trong danh sách hụi đứng tên bà T1. Tính đến ngày bà H tuyên bố đình hụi (ngày 06/01/2016 âm lịch), bà T1 đóng được 16 kỳ, bình quân mỗi kỳ đóng số tiền là 700.000 đồng, tổng số tiền đóng được là 11.200.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Bà T1 mua 01 chân hụi của bà Th trong dây hụi 01 triệu đồng mở ngày 09/8/2014 âm lịch do bà H làm chủ hụi. Trong danh sách hụi chân hụi này đứng tên bà Th. Bà Th đóng được 02 kỳ thì muốn hốt hụi. Khi đó, bà T1 bỏ ra số tiền khoảng 18 triệu đồng đưa cho bà H để thanh toán cho bà Th. Kể từ kỳ khui hụi thứ 3, thì bà Th đưa cho bà H 01 triệu đồng. Trong đó, bà H trích ra số tiền bỏ hụi do các hụi viên được hốt hụi để thanh toán lại cho bà T1. Số tiền này được xem là khoản tiền lãi mà bà T1 được hưởng. Tính đến ngày bà H tuyên bố bế hụi, thì bà H có đưa phần tiền lãi (được tính theo kỳ hụi viên kêu hụi) cho bà T1 được 15 kỳ với số tiền khoảng 4,5 triệu đồng, bình quân số tiền lãi là 300.000 đồng/01 kỳ.

Nay bà T1 yêu cầu vợ chồng bà H, ông T2 và người con là anh V phải thanh toán khoản tiền nợ hụi của 04 chân hụi nói trên là 88 triệu đồng, khấu trừ khoản tiền 33 triệu đồng mà bà H gặt nợ qua cho ông Phan Tuấn K, còn lại là 55.000.000 đồng. Số tiền nêu trên được tính theo giá trị đầu hụi, cụ thể là:

- + Hụi 2.000.000 đồng x 18 kỳ = 36.000.000 đồng.;
- + Hụi 1.000.000 đồng x 18 kỳ = 18.000.000 đồng;
- + Hụi 1.000.000 đồng x 16 kỳ = 16.000.000 đồng;
- + 01 chân hụi mua = 18.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu ngày 26/12/2018, bà T1 còn yêu cầu tính thêm tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Còn bà H chỉ đồng ý thanh toán cho bà T1 khoản tiền hụi vốn mà bà T1 đã đóng hụi cho bà số tiền khoảng 18.685.000 đồng.

** Tại Bản tự khai ngày 10 tháng 6 năm 2016, bị đơn là ông Huỳnh Việt T2 trình bày:*

Quá trình bà H làm chủ hụi thì ông T2 có biết, nhưng không biết số tiền cụ thể mà bà H thiếu tiền hụi của bà T1 là bao nhiêu. Ông T2 không có liên quan đến vụ

việc bà T1 khởi kiện bà H và ông T2 tại Tòa án. Tuy nhiên, ông T2 đồng ý cùng với bà H bỏ ra các tài sản chung hiện có để thanh toán nợ hui cho các hui viên.

** Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Phương V trình bày:*

Quá trình bà H làm chủ hui, thì anh V có đi gom dùm tiền hui của các hui viên cho bà H. Khi gom tiền xong, thì anh V giao toàn bộ số tiền hui cho bà H. Đối với khoản tiền hót hui, thì anh V cũng là người đi giao tiền hui cho hui viên hót hui theo sự hướng dẫn của bà H. Do đó, trách nhiệm thanh toán tiền nợ hui thuộc về bà H và ông T2.

** Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Tuấn K trình bày:*

Vào ngày 09/8/2014 âm lịch, ông K có chơi 01 chân hui do bà H làm chủ đây hui 03 triệu đồng. Ông K đã hót chân hui và còn nợ tiền hui chết. Sau khi bà H tuyên bố bẻ hui, thì có thỏa thuận ông K phải đóng tiền hui chết cho bà T1 bắt đầu từ ngày 06/01/2016 âm lịch cho đến khi mãn hui là 11 kỳ với số tiền là 33 triệu đồng, thời điểm thanh toán là vào ngày 19 âm lịch hàng tháng. Ngoài ra, ông K xin được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà T1 trình bày: Yêu cầu bà H, ông T2 và anh V cùng chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền hui còn nợ theo như đơn khởi kiện ban đầu là 55 triệu đồng.

- Ông T2 trình bày: Quá trình bà H làm chủ hui, ông T2 không biết, nhưng V (con của ông T2 và bà H) sống chung với gia đình có đi gom và giao hui cùng với bà H. Ông T2 không đồng ý thanh toán nợ hui cho bà T1. Trách nhiệm thanh toán nợ là của bà H. Tuy nhiên, ông đồng ý dùng tài sản chung của vợ chồng để trả nợ.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự;

+ Phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà H, anh V, ông K; áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T1, buộc bà H, ông T2 và anh V cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho bà T1 55 triệu đồng tiền hui; áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà H có đơn xin miễn án phí nên chỉ phải nộp án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H, anh V và ông K có yêu cầu được xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng, phù hợp với quy định của tố tụng dân sự.

[3] Sự thống nhất giữa bà H và bà T1 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như trình bày của bà T1 tại phiên tòa, xác định bà T1 có chơi 04 chân hội do bà H làm chủ: Dây hội 02 triệu đồng mở ngày 09/8/2014 âm lịch, 01 tháng khui 01 lần, gồm có 29 hội viên (trong danh sách hội ghi tên chồng bà T1 là ông S); dây hội thứ hai mở ngày 09/8/2014 âm lịch, loại hội 01 triệu đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 29 hội viên, bà T1 tham gia 01 chân (trong danh sách hội đứng tên chồng bà T1 là ông S); dây hội thứ ba mở ngày 16/9/2014 âm lịch, loại hội 01 triệu đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm có 29 hội viên, bà T1 tham gia 01 chân (trong danh sách hội đứng tên bà T1); ngoài ra, bà T1 có mua 01 chân hội của bà Th do bà H làm chủ với số tiền là 18 triệu đồng. Các dây hội nói trên thuộc loại hội hưởng hoa hồng. Việc tham gia chơi hội giữa bà T1 và bà H là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận giao dịch hội giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

[4] Sau khi bẻ hội, bà H không thanh toán khoản tiền mà bà T1 đã đóng vào các dây hội là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của chủ hội. Tuy nhiên, đối với số tiền 88 triệu đồng mà bà T1 yêu cầu được tính trên giá trị đầu hội là không phù hợp. Bởi lẽ, bà T1 nuôi hội sống, số tiền thực tế mà bà đóng vào dây hội chỉ có 67 triệu đồng, số tiền còn lại theo yêu cầu là phần lãi suất. Qua tính toán, tại các dây hội 02 triệu và 01 triệu đồng, thì mức lãi suất trung bình là 42,85%/tháng. Các mức lãi suất này đều vượt quá quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự (lãi suất không quá 1,66%/tháng). Do đó, cần phải điều chỉnh lại phần lãi suất cho phù hợp. Thời điểm tính lãi suất từ khi đóng hội tính đến ngày xét sơ thẩm.

[5] Đối với chân hội thứ nhất (dây hội 02 triệu đồng mở ngày 09/8/2014 âm lịch), phần vốn và lãi suất được xác định theo bảng tính dưới đây:

Đơn vị tính là 1.000 đồng (đ)

STT	Số tiền vốn của từng kỳ đóng hội	Thời gian tính lãi suất tính đến ngày tuyên án sơ thẩm (18/01/2019)	Số tiền lãi được tính theo mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng; 0,05%/ngày)
1.	1.400đ	Từ ngày 09/8/2014 AL (nhằm ngày 02/9/2014 dương lịch)	1.400đ x 20%/năm x 04 năm 04 tháng 16 ngày = 1.224đ (tính tròn số)
2.	1.400đ	Từ ngày 09/9/2014 AL (nhằm ngày 02/10/2014 dương lịch)	1.400đ x 20%/năm x 04 năm 03 tháng 16 ngày = 1.201đ (tính tròn số)
3.	1.400đ	Từ ngày 09/9/2014 AL (nhằm ngày 01/11/2014 dương lịch)	1.400đ x 20%/năm x 04 năm 02 tháng 17 ngày = 1.178đ (tính tròn số)
4.	1.400đ	Từ ngày 09/10/2014 AL (nhằm ngày 30/11/2014)	1.400đ x 20%/năm x 04 năm 01 tháng 19 ngày = 1.157đ (tính tròn số)

		dương lịch)	số)
5.	1.400đ	Từ ngày 09/11/2014 AL (nhằm ngày 30/12/2014 dương lịch)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 04 \text{ năm } 19 \text{ ngày}$ $= 1.133đ$ (tính tròn số)
6.	1.400đ	Từ ngày 09/12/2014 AL (nhằm ngày 28/01/2015 dương lịch)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 11$ $\text{tháng } 21 \text{ ngày} = 1.110đ$ (tính tròn số)
7.	1.400đ	Từ ngày 09/01/2015 AL (nhằm ngày 27/02/2015)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 10$ $\text{tháng } 22 \text{ ngày} = 1.088đ$ (tính tròn số)
8.	1.400đ	Từ ngày 09/02/2015 AL (nhằm ngày 28/3/2015 dương lịch)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 09$ $\text{tháng } 21 \text{ ngày} = 1.064đ$ (tính tròn số)
9.	1.400đ	Từ ngày 09/3/2015 AL (nhằm ngày 27/4/2015 dương lịch)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 08$ $\text{tháng } 22 \text{ ngày} = 1.041đ$ (tính tròn số)
10.	1.400đ	Từ ngày 09/4/2015 AL (nhằm ngày 26/5/2015 dương lịch)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 07$ $\text{tháng } 23 \text{ ngày} = 1.019đ$ (tính tròn số)
11.	1.400đ	Từ ngày 09/5/2015 AL (nhằm ngày 24/6/2015 dương lịch)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 06$ $\text{tháng } 25 \text{ ngày} = 997đ$ (tính tròn số)
12.	1.400đ	Từ ngày 09/6/2015 AL (nhằm ngày 24/7/2015 dương lịch)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 05$ $\text{tháng } 25 \text{ ngày} = 974đ$ (tính tròn số)
13.	1.400đ	Từ ngày 09/7/2015 AL (nhằm ngày 22/8/2015 dương lịch)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 04$ $\text{tháng } 27 \text{ ngày} = 952đ$ (tính tròn số)
14.	1.400đ	Từ ngày 09/8/2015 AL (nhằm ngày 21/9/2015 dương lịch)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 03$ $\text{tháng } 28 \text{ ngày} = 929đ$ (tính tròn số)
15.	1.400đ	Từ ngày 09/9/2015 AL (nhằm ngày 21/10/2015 dương lịch)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 02$ $\text{tháng } 28 \text{ ngày} = 906đ$ (tính tròn số)
16.	1.400đ	Từ ngày 09/10/2015 AL (nhằm ngày 20/11/2015 dương lịch)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 01$ $\text{tháng } 29 \text{ ngày} = 884đ$ (tính tròn số)
17.	1.400đ	Từ ngày 09/11/2015 AL (nhằm ngày 19/12/2015 dương lịch)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm } 30$ $\text{ngày} = 861đ$ (tính tròn số)
18.	1.400đ	Từ ngày 09/12/2015 AL (nhằm ngày 18/01/2016)	$1.400đ \times 20\%/năm \times 03 \text{ năm} = 840đ$ (tính tròn số)

		dương lịch)	
	Tổng cộng phần vốn là: 25.200 đồng		Tổng cộng phần lãi là: 18.558 đồng

[6] Đối với chân hụi thứ hai (dây hụi 01 triệu đồng mở ngày 09/8/2014 âm lịch), phần vốn và lãi suất được xác định theo bảng tính dưới đây:

Đơn vị tính là 1.000 đồng (đ)

STT	Số tiền vốn của từng kỳ đóng hụi	Thời gian tính lãi suất tính đến ngày tuyên án sơ thẩm (18/01/2019)	Số tiền lãi được tính theo mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng, 0,055%/ngày)
1.	700đ	Từ ngày 09/8/2014 AL (nhằm ngày 02/9/2014 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 04 năm 04 tháng 16 ngày = 612đ (tính tròn số)
2.	700đ	Từ ngày 09/9/2014 AL (nhằm ngày 02/10/2014 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 04 năm 03 tháng 16 ngày = 600đ (tính tròn số)
3.	700đ	Từ ngày 09/9/2014 AL (nhằm ngày 01/11/2014 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 04 năm 02 tháng 17 ngày = 589đ (tính tròn số)
4.	700đ	Từ ngày 09/10/2014 AL (nhằm ngày 30/11/2014 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 04 năm 01 tháng 19 ngày = 578đ (tính tròn số)
5.	700đ	Từ ngày 09/11/2014 AL (nhằm ngày 30/12/2014 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 04 năm 19 ngày = 567đ (tính tròn số)
6.	700đ	Từ ngày 09/12/2014 AL (nhằm ngày 28/01/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 11 tháng 21 ngày = 555đ (tính tròn số)
7.	700đ	Từ ngày 09/01/2015 AL (nhằm ngày 27/02/2015)	700đ x 20%/năm x 03 năm 10 tháng 22 ngày = 544đ (tính tròn số)
8.	700đ	Từ ngày 09/02/2015 AL (nhằm ngày 28/3/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 09 tháng 21 ngày = 532đ (tính tròn số)
9.	700đ	Từ ngày 09/3/2015 AL (nhằm ngày 27/4/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 08 tháng 22 ngày = 520đ (tính tròn số)
10.	700đ	Từ ngày 09/4/2015 AL (nhằm ngày 26/5/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 07 tháng 23 ngày = 509đ (tính tròn số)
11.	700đ	Từ ngày 09/5/2015 AL	700đ x 20%/năm x 03 năm 06 tháng

		(nhằm ngày 24/6/2015 dương lịch)	25 ngày = 499đ (tính tròn số)
12.	700đ	Từ ngày 09/6/2015 AL (nhằm ngày 24/7/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 05 tháng 25 ngày = 487đ (tính tròn số)
13.	700đ	Từ ngày 09/7/2015 AL (nhằm ngày 22/8/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 04 tháng 27 ngày = 476đ (tính tròn số)
14.	700đ	Từ ngày 09/8/2015 AL (nhằm ngày 21/9/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 03 tháng 28 ngày = 465đ (tính tròn số)
15.	700đ	Từ ngày 09/9/2015 AL (nhằm ngày 21/10/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 02 tháng 28 ngày = 453đ (tính tròn số)
16.	700đ	Từ ngày 09/10/2015 AL (nhằm ngày 20/11/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 01 tháng 29 ngày = 442đ (tính tròn số)
17.	700đ	Từ ngày 09/11/2015 AL (nhằm ngày 19/12/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 30 ngày = 431đ (tính tròn số)
18.	700đ	Từ ngày 09/12/2015 AL (nhằm ngày 18/01/2016 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm = 420đ (tính tròn số)
	Tổng cộng phần vốn là: 12.600 đồng		Tổng cộng phần lãi là: 9.279 đồng

[7] Đối với chân hụi thứ ba (dây hụi 01 triệu đồng mở ngày 16/9/2014 âm lịch), phần vốn và lãi suất được xác định theo bảng tính dưới đây:

Đơn vị tính là 1.000 đồng (đ)

STT	Số tiền vốn của từng kỳ đóng hụi	Thời gian tính lãi suất tính đến ngày tuyên án sơ thẩm (18/01/2019)	Số tiền lãi được tính theo mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng; 0,055/ngày)
1.	700đ	Từ ngày 16/9/2014 AL (nhằm ngày 08/11/2014 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 04 năm 02 tháng 10 ngày = 587đ (tính tròn số)
2.	700đ	Từ ngày 16/10/2014 AL (nhằm ngày 07/12/2014 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 04 năm 01 tháng 11 ngày = 576đ (tính tròn số)
3.	700đ	Từ ngày 16/11/2014 AL	700đ x 20%/năm x 04 năm 12 ngày

		(nhằm ngày 06/01/2015 dương lịch)	= 564đ (tính tròn số)
4.	700đ	Từ ngày 16/12/2014 AL (nhằm ngày 04/02/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 11 tháng 14 ngày = 553đ (tính tròn số)
5.	700đ	Từ ngày 16/01/2015 AL (nhằm ngày 06/3/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 10 tháng 12 ngày = 540đ (tính tròn số)
6.	700đ	Từ ngày 16/02/2015 AL (nhằm ngày 04/4/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 09 tháng 14 ngày = 530đ (tính tròn số)
7.	700đ	Từ ngày 16/3/2015 AL (nhằm ngày 04/5/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 08 tháng 14 ngày = 518đ (tính tròn số)
8.	700đ	Từ ngày 16/4/2015 AL (nhằm ngày 02/6/2015 dương lịch)	700đ x 20% năm x 03 năm 07 tháng 16 ngày = 507đ (tính tròn số)
9.	700đ	Từ ngày 16/5/2015 AL (nhằm ngày 01/7/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 06 tháng 17 ngày = 496đ (tính tròn số)
10.	700đ	Từ ngày 16/6/2015 AL (nhằm ngày 31/7/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 05 tháng 18 ngày = 484đ (tính tròn số)
11.	700đ	Từ ngày 16/7/2015 AL (nhằm ngày 29/8/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 04 tháng 20 ngày = 474đ (tính tròn số)
12.	700đ	Từ ngày 16/8/2015 AL (nhằm ngày 28/9/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 03 tháng 21 ngày = 462đ (tính tròn số)
13.	700đ	Từ ngày 16/9/2015 AL (nhằm ngày 28/10/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 02 tháng 21 ngày = 451đ (tính tròn số)
14.	700đ	Từ ngày 16/10/2015 AL (nhằm ngày 27/11/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 01 tháng 22 ngày = 439đ (tính tròn số)
15.	700đ	Từ ngày 16/11/2015 AL (nhằm ngày 26/12/2015 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 03 năm 23 ngày = 428đ (tính tròn số)
16.	700đ	Từ ngày 16/12/2015 AL (nhằm ngày 25/01/2016 dương lịch)	700đ x 20%/năm x 02 năm 11 tháng 24 ngày = 416đ (tính tròn số)
	Tổng cộng phần vốn		Tổng cộng phần lãi là: 8.025 đồng

	là: 11.200 đồng		
--	-----------------------	--	--

[8] Đối với chân hụi mua: Bà T1 chỉ yêu cầu bà H thanh toán khoản tiền gốc mà bà T1 bỏ ra mua là 18 triệu đồng được chấp nhận. Giữa bà H, bà T1 và bà Th không có tranh chấp với nhau về phần lãi suất, nên phần lãi suất mà bà T1 được hưởng do bà Th thanh toán ở 15 kỳ hụi trong đây hụi 01 triệu đồng mở ngày 09/8/2014 âm lịch, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại.

[9] Tổng phần vốn và lãi phải thanh toán của 04 chân hụi là: Vốn hụi (25.200.000 đồng + 12.600.000 đồng + 11.200.000 đồng + 18.000.000 đồng) + lãi hụi (18.558.000 đồng + 9.279.000 đồng + 8.025.000 đồng) = 102.862.000 đồng. Số tiền vốn và lãi hụi này được khấu trừ phần ông K trả thay bà H cho bà T1 là 33 triệu đồng, số tiền còn phải thanh toán là: 102.862.000 đồng - 33.000.000 đồng = 69.862.000 đồng. Số tiền này là nhiều hơn số tiền mà bà T1 yêu cầu, nên chấp nhận yêu cầu của bà T1 về số tiền hụi yêu cầu thanh toán là 55 triệu đồng.

[10] Về người có nghĩa vụ thanh toán nợ: Tuy ông T2 không đồng ý thanh toán nợ nhưng lại đồng ý dùng tài sản của vợ chồng để trả nợ là thiếu thiện chí và không đảm bảo việc thi hành án. Đối với anh V (con ruột của vợ chồng bà H) cũng có tham gia gom tiền và giao tiền hụi cho các hụi viên. Do đó, cần buộc bà H, ông T2 và anh V có trách nhiệm thanh toán khoản tiền nợ hụi 55.000.000 đồng cho bà T1. Trường hợp chậm thanh toán, thì những người này còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định của NH nước.

[11] Với những cơ sở nói trên, thì ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Bà H có đơn xin miễn giảm án phí do có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận cho miễn nộp $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với phần nghĩa vụ phải thực hiện.

[13] Phần bà T1 nộp tạm ứng án phí được nhận lại.

[14] Vì thời điểm thụ lý vụ án trước ngày 01/01/2017, nhưng sau ngày 01/01/2017 Tòa án mới xét xử sơ thẩm, theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì các quyết định về án phí được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

[15] Bà T1 và ông T2 có mặt tại phiên tòa, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày tuyên án. Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa, nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Điều 14, 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009 và mục 2 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (ban Hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009):

1. Xét xử vắng mặt: Bà Phạm Đông H, anh Huỳnh Phương V và ông Phan Tuấn K;

2. Buộc bà Phạm Đông H, ông Huỳnh Việt T2 và anh Huỳnh Phương V cùng chịu trách nhiệm thanh toán cho bà Diệp Bé T1 tổng số tiền hội là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày bà T1 có đơn yêu cầu thi Hành án. Trường hợp bà H, ông T2 và anh V không chịu thanh toán khoản tiền nói trên cho bà T1, thì hàng tháng, bà H, ông T2 và anh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Bà H, ông T2 và anh V được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%, chỉ phải chịu 1.375.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

5. Trả lại cho bà T1 khoản tiền nộp tạm ứng án phí 1.375.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03379 ngày 26 tháng 5 năm 2016 do Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

6. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế